

Số: 932 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 0325/GT-MK ngày 02 tháng 04 năm 2025 của Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Minh Khánh về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với Nhà máy sản xuất gạch Minh Khánh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 16.4.6../TTr-SNNMT ngày 14 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Minh Khánh, địa chỉ tại tổ 4, khu phố Lộc An, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường cho cơ sở Nhà máy sản xuất gạch Minh Khánh có địa chỉ khu phố Lộc An, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất gạch Minh Khánh.

1.2. Địa điểm: khu phố Lộc An, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế Chi nhánh số: 3700327415-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07/9/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 15/10/2008.

1.4. Mã số thuế: 3700327415-001

1.5. Loại hình cơ sở: sản xuất gạch nung các loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Quy mô: nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công suất: 19.500.000 viên/năm (trong đó: gạch ống (gạch rỗng 4 lỗ) 15.000.000 viên/năm; gạch đin (gạch rỗng 2 lỗ) 4.500.000 viên/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu (đất sét) → Thùng cấp liệu → Cối gân (tách đá) → Máy nghiền nhào → Máy cán thô → Máy cán mịn → Máy nhào đùn → Máy cắt gạch → Nhà phơi → Lò sấy → Lò nung → Kiểm tra phân loại → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Minh Khánh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án chuyển đổi công nghệ sản xuất gạch từ lò gạch thủ công sang lò gạch Hoffman; Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1181/UBND ngày 22/9/2020 của UBND thị xã Trảng Bàng xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường Dự án chuyển đổi công nghệ sản xuất gạch đất sét nung từ lò Hoffman sang lò Tuynel của Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Minh Khánh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thị xã Trảng Bàng và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường Lộc Hưng;
- CN DNTN Minh Khánh;
- Đăng công thông tin điện tử Sở NN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số032.../GPMT - UBND
ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại và định kỳ được Công ty thuê đơn vị có chức năng đến hút bể phốt và vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định, không xả nước thải ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại cơ sở với lưu lượng lớn nhất khoảng 2,7 m³/ngày được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại (gồm 02 bể tự hoại, trong đó 01 bể có thể tích 25 m³ và 01 bể có thể tích 10 m³). Nước thải và bùn thải tại bể tự hoại định kỳ được Công ty thuê đơn vị có chức năng đến hút bể phốt và vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định, không xả nước thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → định kỳ được Công ty thuê đơn vị có chức năng đến hút bể phốt và vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định, không xả nước thải ra môi trường.

- Số lượng và dung tích:

+ Tại nhà vệ sinh chung: 01 bể tự hoại dung tích thiết kế 25 m³.

+ Tại nhà văn phòng: 01 bể tự hoại dung tích thiết kế 10 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, nạo vét đường ống để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong hệ thống thu gom nước thải.

- Định kỳ hút bùn nước loãng tại bể tự hoại; định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút bể phốt và vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm d, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải phải thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Minh Khánh chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải chưa qua xử lý, không đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT - UBND
ngày 20 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Lò sấy gạch số 01, sử dụng nguồn nhiệt cấp từ lò nung số 01;
- Nguồn số 02: Lò sấy gạch số 02, sử dụng nguồn nhiệt cấp từ lò nung số 02;
- Nguồn số 03: Lò nung gạch số 01, sử dụng nhiên liệu củi;
- Nguồn số 04: Lò nung gạch số 02, sử dụng nhiên liệu củi;
- Nguồn số 05: Máy phát điện dự phòng công suất 400kVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Trong khuôn viên cơ sở tại khu phố Lộc An, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Dòng khí thải số 01: tại ống thoát khí thải của nguồn số 01. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1223 084; Y = 597 888.
- Dòng khí thải số 02: tại ống thoát khí thải của nguồn số 02. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1223 090; Y = 597 928.
- Dòng khí thải số 03: tại ống khói thoát khí thải chung của nguồn số 03 và nguồn số 04. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1223 122; Y = 597 911.
- Dòng khí thải số 04: tại ống thoát khí thải của nguồn số 05. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1223 091; Y = 597 856.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.640.000 m³/ngày (24 giờ), tương đương 110.000 m³/giờ.
- + Dòng khí thải số 01: 25.000 m³/giờ;
- + Dòng khí thải số 02: 25.000 m³/giờ;
- + Dòng khí thải số 03: 60.000 m³/giờ;
- + Dòng khí thải số 04: 1.075 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải được xả ra môi trường thông qua ống khói, ống thải; xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số áp dụng $K_p = 0,8$ và $K_v = 0,8$. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải số 01, 02 và 03					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	P>100.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
2	Bụi	mg/Nm ³	128		
3	SO ₂	mg/Nm ³	320		
4	NO _x	mg/Nm ³	544		
Dòng khí thải số 04					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	P>100.000	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
2	Bụi	mg/Nm ³	128		
3	NO _x	mg/Nm ³	544		
4	SO ₂	mg/Nm ³	320		
5	CO	mg/Nm ³	640		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: tại lò sấy số 01 lắp đặt đường ống thu gom khí thải thoát ra môi trường theo phương án khí thải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với hệ số áp dụng $K_p = 0,8$ và $K_v = 0,8$ thông qua một (01) ống thoát khí thải có chiều cao 6,0 mét và đường kính Ø1500mm.

- Nguồn số 02: tại lò sấy số 02 lắp đặt đường ống thu gom khí thải thoát ra môi trường theo phương án khí thải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với hệ số áp dụng $K_p = 0,8$ và $K_v = 0,8$ thông qua một (01) ống thoát khí thải có chiều cao 6,0 mét và đường kính Ø1500mm.

- Nguồn số 03 và nguồn số 04: tại mỗi nguồn lắp đặt đường ống thu gom khí thải riêng biệt thoát ra môi trường theo phương án khí thải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với hệ số áp dụng $K_p = 0,8$ và $K_v = 0,8$ thông qua một (01) ống thoát khí thải chung có chiều cao 5,0 mét và đường kính Ø2500mm.

- Nguồn số 05: lắp đặt ống thải cho máy phát điện dự phòng công suất 400 kVA (sử dụng nhiên liệu dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện), ống thoát khí thải kết cấu bằng thép không gỉ, chiều cao 2,0m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Lò nung gạch số 01 và lò nung gạch số 02 sử dụng nhiên liệu đốt là củi, các lò nung gạch được thiết kế với công nghệ đốt hai cấp cháy hoàn toàn và kèm theo hệ thống kiểm soát quá trình đốt nên không lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ - CP ngày 06/01/2025.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành lò nung gạch và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất tại các lò nung và lò sấy gạch để sửa chữa, kiểm tra khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục vận hành.

- Đối với sự cố môi trường lớn, dừng hoạt động sản xuất, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm c, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các lò nung và lò sấy gạch.

- Có phương án xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành các lò nung và lò sấy gạch tại cơ sở khi phát hiện khí thải xả ra môi trường không đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này thông qua hoạt động giám sát chất lượng khí thải tại các ống thoát khí thải định kỳ hoặc đột xuất.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Minh Khánh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào trong khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT - UBND
ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy móc khu vực xúc đất cấp liệu;
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của cối gân tách đá số 1;
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của máy nghiền nhào số 1;
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động của máy cán mịn số 1;
- Nguồn số 05: Phát sinh từ hoạt động của máy nhào đùn số 1;
- Nguồn số 06: Phát sinh từ hoạt động của máy cắt gạch số 1;
- Nguồn số 07: Phát sinh từ hoạt động của máy móc khu vực lò nung, sấy gạch;
- Nguồn số 08: Phát sinh từ hoạt động của cối gân tách đá số 2;
- Nguồn số 09: Phát sinh từ hoạt động của máy nghiền nhào số 2;
- Nguồn số 10: Phát sinh từ hoạt động của máy cán mịn số 2;
- Nguồn số 11: Phát sinh từ hoạt động của máy nhào đùn số 2;
- Nguồn số 12: Phát sinh từ hoạt động của máy cắt gạch số 2.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 đến 21 giờ	Từ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung (như: kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn,...).

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT - UBND
ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Kí hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	6	Rắn	NII
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 03	24	Lỏng	NII
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	12	Lỏng	NII
4	Ắc quy chì thải	19 06 01	12	Rắn	NII
TỔNG CỘNG		-	54	-	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái tồn tại	Kí hiệu phân loại
1	Tro từ quá trình nung	04 02 07	780	Rắn	TT
2	Gạch vỡ phế phẩm	06 02 07	690,35	Rắn	TT
TỔNG CỘNG		-	1.470,35	-	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	16,2
TỔNG CỘNG		16,2

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Kí hiệu phân loại
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	24	Rắn	KS
TỔNG CỘNG		-	24	-	-

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Kho lưu chứa được thiết kế xây dựng với cấu tạo bằng tường gạch, mái lợp tôn và nền bê tông chống thấm; trong kho chứa có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ (dựa theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại, kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều); được dán nhãn và mã chất thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Kho chứa chất thải nguy hại: 20 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Kho lưu chứa được thiết kế xây dựng với cấu tạo bằng tường gạch bao quanh, nền chống thấm, có mái che kín mưa, bên trong kho có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2.2. Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 170 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết được thiết kế mái tôn, sàn trát xi măng.

2.3.2. Diện tích kho/khu vực lưu chứa:

- Sử dụng thùng chứa có nắp đậy dung tích chứa từ 20 – 120 lít để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của tỉnh Tây Ninh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

3. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại chỗ, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT - UBND
ngày... tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/IT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/IT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Có phương án, thiết kế, lắp đặt công trình xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành các lò nung và lò sấy gạch tại cơ sở khi phát hiện khí thải xả ra môi trường không đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phụ lục 2 giấy phép này thông qua hoạt động giám sát chất lượng khí thải tại các ống thoát khí thải định kỳ hoặc đột xuất.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

5. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của cơ sở theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

8. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở. Chủ cơ sở phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của cơ sở gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

9. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện công khai thông tin môi trường của cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Doanh nghiệp hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng cơ sở. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định.

12. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

13. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

14. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.